

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh

Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Số: 313 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ Phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 06 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		291.454.909.268	278.295.240.349
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.222.725.654	27.064.284.947
1. Tiền	111		16.222.725.654	13.064.284.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.508.264.416	69.380.309.421
1. Phải thu khách hàng	131		53.517.075.638	62.082.916.795
2. Trả trước cho người bán	132		2.151.680.200	7.635.067.520
5. Các khoản phải thu khác	135		380.098.042	213.611.702
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(540.589.464)	(551.286.596)
IV. Hàng tồn kho	140		194.487.496.222	180.173.959.803
1. Hàng tồn kho	141	6	194.487.496.222	180.173.959.803
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.236.422.976	1.676.686.178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		327.459.045	560.451.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.144.638.626	901.095.127
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	764.325.305	215.140.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		229.213.872.013	247.365.812.504
II. Tài sản cố định	220		189.492.635.758	204.060.272.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	170.003.749.110	185.336.078.513
- Nguyên giá	222		309.985.613.576	301.992.158.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.981.864.466)	(116.656.079.811)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	19.488.886.648	18.696.921.616
- Nguyên giá	228		21.071.968.802	19.766.968.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.583.082.154)	(1.070.047.186)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	27.272.727
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		38.553.266.430	41.719.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	6.250.000.000	6.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	20.290.000.000	25.365.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(2.986.733.570)	(4.895.500.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.167.969.825	1.586.039.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		100.000.000	316.865.336
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.040.969.825	1.242.174.312
3. Tài sản dài hạn khác	268		27.000.000	27.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		520.668.781.281	525.661.052.853

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		132.291.444.190	165.405.173.096
I. Nợ ngắn hạn	310		127.385.956.439	160.300.863.970
1. Vay ngắn hạn	311	15	21.978.271.482	67.390.862.623
2. Phải trả người bán	312		17.769.694.016	28.325.651.757
3. Người mua trả tiền trước	313		12.263.312.929	27.273.074
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8.157.991.469	14.314.896.218
5. Phải trả người lao động	315		23.344.405.745	20.735.012.549
6. Chi phí phải trả	316	17	2.713.075.510	1.133.449.061
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	28.409.549.047	15.432.468.927
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	19	12.749.656.241	12.941.249.761
II. Nợ dài hạn	330		4.905.487.751	5.104.309.126
3. Phải trả dài hạn khác	333		170.000.000	132.600.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		4.735.487.751	4.971.709.126
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		388.377.337.091	360.255.879.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	388.377.337.091	360.255.879.757
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.851.020.000	128.568.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.658.370.783	72.468.790.783
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		128.018.713.711	118.291.165.711
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.922.239.729	12.694.816.729
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42.926.992.868	28.232.506.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		520.668.781.281	525.661.052.853

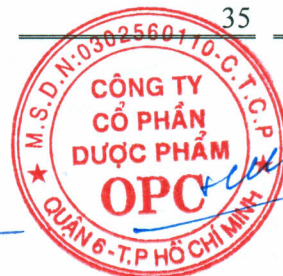
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại
 - Đô la Mỹ ("USD")

	31/12/2014	31/12/2013
	35	80.009

baul

T M



Hồ Thị Hải Vân
 Người lập

Nguyễn Thế Đề
 Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 06 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	570.881.371.983	516.645.189.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		654.933.846	419.405.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		570.226.438.137	516.225.783.924
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	268.912.639.253	239.679.418.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		301.313.798.884	276.546.365.146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.196.541.351	2.385.652.166
7. Chi phí tài chính	22	26	6.371.465.702	2.317.489.271
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.553.682.684	5.374.531.137
8. Chi phí bán hàng	24		167.825.411.786	152.025.946.438
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.111.256.961	43.471.710.829
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		86.202.205.786	81.116.870.774
11. Thu nhập khác	31		1.601.246.649	1.432.132.774
12. Chi phí khác	32		1.099.986.615	251.960.304
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		501.260.034	1.180.172.470
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		86.703.465.820	82.297.043.244
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	20.086.945.369	26.517.523.769
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	201.204.487	54.168.165
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		66.415.315.964	55.725.351.310
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.440	2.889

beu

[Signature]



Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 06 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	86.703.465.820		82.297.043.244	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	24.400.982.697		24.173.388.630	
Các khoản dự phòng	03	(846.429.895)		(3.152.155.998)	
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	109.868.872		(233.162)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.991.107.284)		(3.062.604.977)	
Chi phí lãi vay	06	2.553.682.684		5.374.531.137	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.930.462.894		105.629.968.874	
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	13.029.427.518		(19.188.818.089)	
Tăng hàng tồn kho	10	(14.313.536.419)		(26.032.566.768)	
Tăng các khoản phải trả	11	5.463.342.790		11.103.437.821	
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	449.857.291		(319.273.768)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.643.127.611)		(5.240.326.059)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.892.333.777)		(23.020.803.041)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	674.974.000		1.237.663.081	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.286.703.024)		(7.467.810.299)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	79.412.363.662		36.701.471.752	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(10.997.275.745)		(14.614.881.023)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	96.363.636		819.752.045	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	4.001.966.333		-	
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.914.472.827		2.373.055.095	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.984.472.949)		(11.422.073.883)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu	31	1.475.000.000		-	
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.003.000.000)		-	
3. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	96.555.590.621		144.096.978.478	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(142.081.779.762)		(140.062.623.181)	
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(19.215.266.700)		(28.079.550.550)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(64.269.455.841)		(24.045.195.253)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	11.158.434.872		1.234.202.616	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	27.064.284.947		25.829.282.239	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	5.835		800.092	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	38.222.725.654		27.064.284.947	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền là 197.555.400 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 500.740.000 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 26.380.775.350 đồng, trong đó số tiền 25.713.720.000 đồng là cổ tức tạm trích đợt 1 và 2 của năm 2014 như trình bày ở Thuyết minh số 20 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 12.856.860.000 đồng) và số tiền 667.055.350 đồng là cổ tức của các năm trước đây mà cổ đông chưa nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 685.532.050 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 06 tháng 3 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y tế, có Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 03 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 713 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 672 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty con: Công ty con là công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh: Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí đầu tư thuê mặt bằng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đầu tư thuê mặt bằng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.500.309.941	2.560.502.137
Tiền gửi ngân hàng	14.722.415.713	10.503.782.810
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	14.000.000.000
	<u>38.222.725.654</u>	<u>27.064.284.947</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn trong vòng một tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7% /năm).

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	112.633.001.003	98.132.167.159
Công cụ, dụng cụ	32.171.000	1.818.680
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.608.487.901	3.471.258.021
Thành phẩm	76.839.565.894	77.681.722.881
Hàng hóa	2.374.270.424	886.993.062
	<u>194.487.496.222</u>	<u>180.173.959.803</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 114.070.000.000 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.240.000.000 đồng).

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho nhân viên	404.944.750	155.648.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	359.380.555	59.492.051
	<u>764.325.305</u>	<u>215.140.051</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	171.580.131.761	111.777.813.572	16.076.289.412	2.557.923.579	301.992.158.324
Tăng trong năm	5.877.935.651	848.376.160	1.888.452.361	-	8.614.764.172
Thanh lý	-	(205.235.000)	(416.073.920)	-	(621.308.920)
Tại ngày 31/12/2014	<u>177.458.067.412</u>	<u>112.420.954.732</u>	<u>17.548.667.853</u>	<u>2.557.923.579</u>	<u>309.985.613.576</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	43.635.879.013	63.778.070.939	6.990.094.444	2.252.035.415	116.656.079.811
Khấu hao trong năm	8.832.582.886	12.601.544.338	2.267.660.196	186.160.309	23.887.947.729
Thanh lý	-	(146.089.154)	(416.073.920)	-	(562.163.074)
Tại ngày 31/12/2014	<u>52.468.461.899</u>	<u>76.233.526.123</u>	<u>8.841.680.720</u>	<u>2.438.195.724</u>	<u>139.981.864.466</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>127.944.252.748</u>	<u>47.999.742.633</u>	<u>9.086.194.968</u>	<u>305.888.164</u>	<u>185.336.078.513</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>124.989.605.513</u>	<u>36.187.428.609</u>	<u>8.706.987.133</u>	<u>119.727.855</u>	<u>170.003.749.110</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 60.481.135.443 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 55.663.957.522 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	18.476.333.802	1.290.635.000	19.766.968.802
Tăng trong năm	1.305.000.000	-	1.305.000.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>19.781.333.802</u>	<u>1.290.635.000</u>	<u>21.071.968.802</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	832.910.298	237.136.888	1.070.047.186
Khấu hao trong năm	254.907.972	258.126.996	513.034.968
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.087.818.270</u>	<u>495.263.884</u>	<u>1.583.082.154</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>17.643.423.504</u>	<u>1.053.498.112</u>	<u>18.696.921.616</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>18.693.515.532</u>	<u>795.371.116</u>	<u>19.488.886.648</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.868.400.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.868.400.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất hóa dược và buôn bán hóa phẩm, đồ uống

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Công ty như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương (“Công ty con”), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập ở tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty con là sản xuất hóa dược, buôn bán hóa phẩm và đồ uống. Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40%	40%	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng
Góp vốn liên doanh				
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	Tỉnh Bình Dương	50%	50%	Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000
Góp vốn liên doanh:		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	250.000.000	250.000.000
	<u>6.250.000.000</u>	<u>6.250.000.000</u>

Đầu tư vào Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty OPC Bắc Giang.

Góp vốn liên doanh:

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiên”) ký ngày 24 tháng 04 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	<u>Số</u> <u>lượng</u>	<u>Giá trị</u> <u>(VND)</u>	<u>Số</u> <u>lượng</u>	<u>Giá trị</u> <u>(VND)</u>
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hồ Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	1.000.000	10.100.000.000
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội	-	-	5.000	5.075.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	225.000	2.750.000.000	225.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	7.000	790.000.000	7.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
		<u>20.290.000.000</u>		<u>25.365.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hồ Việt Nam	(2.986.733.570)	(3.643.000.000)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội	-	(1.252.500.000)
	<u>(2.986.733.570)</u>	<u>(4.895.500.000)</u>

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả và do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm hiện hành và năm trước.

	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện <u>VND</u>	Dự phòng phải trả dài hạn khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	(303.836)	1.296.646.313	1.296.342.477
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(449.134)	(53.719.031)	(54.168.165)
Tại ngày 31/12/2013	(752.970)	1.242.927.282	1.242.174.312
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(84.510)	(201.119.977)	(201.204.487)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(837.480)</u>	<u>1.041.807.305</u>	<u>1.040.969.825</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	4.103.113.236	27.284.611.656
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	5.012.127.846	19.995.772.854
- Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh	12.863.030.400	12.688.631.713
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	-	7.421.846.400
	<u>21.978.271.482</u>	<u>67.390.862.623</u>

Vào ngày 05 tháng 11 năm 2014, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 10 năm 2015 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 6).

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Nam của thời hạn tương ứng cộng 1,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 6 và 9).

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh (nay gọi là Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh) với hạn mức tín dụng 1.000.000 Đô la Mỹ. Vào ngày 22 tháng 01 năm 2014, Công ty ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng nêu trên và theo nội dung sửa đổi thì khoản tín dụng này được nâng hạn mức lên 1.500.000 Đô la Mỹ và có hiệu lực đến ngày 22 tháng 01 năm 2015. Khoản tín dụng này được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ và khoản phải thu trị giá 500.000 Đô la Mỹ để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.712.135.361	13.517.523.769
Thuế thu nhập cá nhân	444.549.880	790.627.249
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.306.200	6.745.200
Thuế giá trị gia tăng	28	-
	<u>8.157.991.469</u>	<u>14.314.896.218</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Chi phí khuyến mãi	1.333.213.339	-
Chi phí nghiên cứu	438.235.437	-
Chi phí điện sản xuất	109.359.900	154.685.100
Chi phí lãi vay	54.782.585	144.227.512
Chi phí nhượng quyền	-	500.970.000
Khác	777.484.249	333.566.449
	<u>2.713.075.510</u>	<u>1.133.449.061</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.669.503.697	1.880.076.877
Cổ tức	26.380.775.350	13.542.392.050
Phải trả khác	359.270.000	10.000.000
	<u>28.409.549.047</u>	<u>15.432.468.927</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	12.941.249.761	12.311.264.904
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	6.506.917.000	5.553.528.000
Sử dụng quỹ	<u>(6.698.510.520)</u>	<u>(4.923.543.143)</u>
Số dư cuối năm	<u>12.749.656.241</u>	<u>12.941.249.761</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	19.285.102	12.856.860
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.285.102	12.856.860
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Cổ đông nhà nước - Tổng Công ty Dược	35.626.500.000	18,47	23.751.000.000	18,47
Cổ đông khác	<u>157.224.520.000</u>	<u>81,53</u>	<u>104.817.600.00</u>	<u>81,53</u>
	<u>192.851.020.000</u>	<u>100</u>	<u>128.568.600.00</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư và phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	128.568.600.000	72.468.790.783	110.012.802.711	12.694.816.729	14.625.735.392	338.370.745.615
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.725.351.310	55.725.351.310
Phân phối quỹ	-	-	8.278.363.000	-	(8.278.363.000)	-
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	(1.597.168)	(1.597.168)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.553.528.000)	(5.553.528.000)
Chia thêm cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(2.571.372.000)	(2.571.372.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2013	-	-	-	-	(12.856.860.000)	(12.856.860.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	-	(12.856.860.000)	(12.856.860.000)
Tại ngày 31/12/2013	128.568.600.000	72.468.790.783	118.291.165.711	12.694.816.729	28.232.506.534	360.255.879.757
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	66.415.315.964	66.415.315.964
Tăng vốn trong năm	64.282.420.000	(64.282.420.000)	-	-	-	-
Chênh lệch giá bán và giá mua cổ phiếu quỹ	-	472.000.000	-	-	-	472.000.000
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	(205.291.630)	(205.291.630)
Phân phối quỹ	-	-	9.727.548.000	3.227.423.000	(12.954.971.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.506.917.000)	(6.506.917.000)
Chia thêm cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(6.398.930.000)	(6.398.930.000)
Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	59.000.000	59.000.000
Chia cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(19.285.102.000)	(19.285.102.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	(6.428.618.000)	(6.428.618.000)
Tại ngày 31/12/2014	192.851.020.000	8.658.370.783	128.018.713.711	15.922.239.729	42.926.992.868	388.377.337.091

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 327/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2014, Đại Hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 với số tiền là 32.142.150.000 đồng tương ứng với 25% vốn cổ phần của Công ty. Theo đó, Công ty đã trích thêm số tiền là 6.398.390.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 (số cổ tức tạm trích trong năm 2013 là 25.713.720.000 đồng) để tiến hành việc chi trả cổ tức như nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2014 với số tiền là 19.285.102.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1240/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2014 và tạm trích cổ tức đợt 2/2014 số tiền 6.428.618.000 đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 327/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2014. Tổng số cổ tức đã chia và tạm trích trong năm 2014 tương ứng 20% vốn cổ phần của Công ty trước khi tăng vốn điều lệ trong năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 lần lượt với các số tiền là 9.727.548.000 đồng, 3.227.423.000 đồng và 6.506.917.000 đồng theo Điều lệ của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang ghi nhận cổ tức bằng tiền mặt của các năm mà cổ đông chưa nhận với số tiền là 667.055.350 đồng và giá trị cổ tức tạm trích đợt 1 và 2 của năm 2014 với số tiền là 25.713.720.000 đồng trên khoản mục phải trả khác.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chia cổ tức và phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 327/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 05 tháng 04 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 6.248.430 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 2:1 để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 128.568.600.000 đồng lên 192.851.020.000 đồng từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty vào ngày 25 tháng 11 năm 2014. Các cổ phiếu phát hành thêm này được niêm yết chính thức vào ngày 09 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 482/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	570.123.646.580	516.012.321.504
Doanh thu bán hàng hóa	704.062.241	589.438.375
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.663.162	43.430.000
	<u>570.881.371.983</u>	<u>516.645.189.879</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán thành phẩm	268.305.260.040	239.150.794.389
Giá vốn bán hàng hóa	607.379.213	528.624.389
	<u>268.912.639.253</u>	<u>239.679.418.778</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	246.546.853.361	234.220.320.831
Chi phí nhân công	133.991.455.789	120.016.231.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.400.982.697	24.173.388.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.244.228.220	35.928.940.915
Chi phí khác	40.361.830.056	47.060.036.157
	<u>485.545.350.123</u>	<u>461.398.918.354</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	449.064.427	227.665.849
Cổ tức được chia	728.024.000	708.751.488
Lợi nhuận được chia từ OPC Bình Dương	1.366.106.440	1.284.574.000
Lợi nhuận được chia từ OPC Bắc Giang	410.694.627	152.063.758
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	242.651.857	12.363.909
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	233.162
	<u>3.196.541.351</u>	<u>2.385.652.166</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	2.553.682.684	5.374.531.137
Chiết khấu thanh toán	3.966.587.041	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	577.059.868	121.402.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	109.868.872	-
Hoàn nhập lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(835.732.763)	(3.178.443.958)
	<u>6.371.465.702</u>	<u>2.317.489.271</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	86.703.465.820	82.297.043.244
Trừ:		
- Thu nhập không chịu thuế	2.508.631.795	2.145.622.408
- Chi phí không được trừ năm trước nhưng được trừ trong năm	236.221.375	(214.876.124)
Cộng : Các khoản chi phí không được trừ	5.619.275.356	26.133.550.365
Thu nhập chịu thuế	89.577.888.006	106.070.095.077
Thuế suất hiện hành	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>19.707.135.361</u>	<u>26.517.523.769</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	379.810.008	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>20.086.945.369</u>	<u>26.517.523.769</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (Tỷ lệ thuế thu nhập của năm 2013: 25%).

Cơ quan thuế đã kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2010. Ban Tổng Giám đốc hiểu rằng số thuế trình bày trên báo cáo tài chính riêng trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.415.315.964	55.725.351.310
Trừ lợi nhuận chia cho liên doanh	(205.291.630)	(1.597.168)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông	66.210.024.334	55.723.754.142
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành	<u>19.249.524</u>	<u>19.285.102</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.440</u>	<u>2.889</u>

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành và lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được tính toán và trình bày lại do Công ty đã phát hành thêm 6.248.430 cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2014 như trình bày tại thuyết minh số 20.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.757.972.360</u>	<u>1.088.673.300</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.757.972.360	1.088.673.300
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.031.889.440	4.354.693.200
Sau năm năm	<u>2.757.972.360</u>	<u>2.177.346.600</u>
	<u>16.547.834.160</u>	<u>7.620.713.100</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.222.725.654	27.064.284.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.356.584.216	61.745.241.901
Ký quỹ, ký cược	359.380.555	59.492.051
Tổng	91.938.690.425	88.869.018.899
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	21.978.271.482	67.390.862.623
Phải trả người bán và phải trả khác	46.349.243.063	43.890.720.684
Chi phí phải trả	2.713.075.510	1.133.449.061
Tổng	71.040.590.055	112.415.032.368

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Rủi ro thị trường***

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	621.406.485	1.703.723.544	13.845.211.400	7.442.399.400

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 661.190.246 đồng (2013: 286.933.793 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.222.725.654	-	38.222.725.654
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.356.584.216	-	53.356.584.216
Ký quỹ, ký cược	359.380.555	-	359.380.555
Tổng	91.938.690.425	-	91.938.690.425
Tại ngày 31/12/2014			
Vay ngắn hạn	21.978.271.482	-	21.978.271.482
Phải trả người bán và phải trả khác	46.179.243.063	170.000.000	46.349.243.063
Chi phí phải trả	2.713.075.510	-	2.713.075.510
Tổng	70.870.590.055	170.000.000	71.040.590.055
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.068.100.370	(170.000.000)	20.898.100.370
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.064.284.947	-	27.064.284.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.745.241.901	-	61.745.241.901
Ký quỹ, ký cược	59.492.051	-	59.492.051
Tổng	88.869.018.899	-	88.869.018.899
Tại ngày 31/12/2013			
Vay ngắn hạn	67.390.862.623	-	67.390.862.623
Phải trả người bán và phải trả khác	43.758.120.684	132.600.000	43.890.720.684
Chi phí phải trả	1.133.449.061	-	1.133.449.061
Tổng	112.282.432.368	132.600.000	112.415.032.368
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.413.413.469)	(132.600.000)	(23.546.013.469)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
OPC Bình Dương	Công ty con	
OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
OPC Bình Dương		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.450.960	63.552.000
Doanh thu cho thuê	120.000.000	120.000.000
Mua nguyên vật liệu	21.347.629.382	17.770.329.177
Lợi nhuận được chia	<u>1.366.106.440</u>	<u>1.284.574.000</u>
OPC Bắc Giang		
Mua nguyên vật liệu	36.852.614.500	44.693.655.700
Lợi nhuận được chia	<u>410.694.627</u>	<u>152.063.758</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong năm như sau:	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>6.032.209.231</u>	<u>5.917.865.045</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
OPC Bình Dương	1.275.810.524	3.987.445.690
OPC Bắc Giang	<u>4.177.378.350</u>	<u>8.041.513.644</u>

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2014 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750